

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 6/2024

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
I	Lãnh đạo Sở														
1	Vũ Văn Kiên	GD Sở	684	579 nhiệm vụ trước hạn (84.65%); 105 nhiệm vụ đúng hạn (15.35%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Cù Trọng Khang	PGD Sở	247	210 nhiệm vụ trước hạn (85.02%); 37 nhiệm vụ đúng hạn (14.98%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										88	B
3	Nguyễn Thị Tươi	PGD Sở	227	202 nhiệm vụ trước hạn (88.99%); 25 nhiệm vụ đúng hạn (11.01%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										88	B
4	Nguyễn Thị Thiều Hương	PGD Sở	210	167 nhiệm vụ trước hạn (79.52%); 43 nhiệm vụ đúng hạn (20.48%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										98 ¹	A
II	Phòng Xây dựng chính quyền		62	8	5	3	0	0	54	45	9	0		B	
				50 nhiệm vụ trước hạn (80.65%); 12 nhiệm vụ đúng hạn (19.35%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Trần Hưng	TP	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B	
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

¹ Được thưởng 10 điểm do có 02 sáng kiến cấp tỉnh

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
2	Hoàng Minh Hiền	PTP	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	88	B
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Vũ Thị Duyên	PTP	14	2	1	1	0	0	12	9	3	0	88	B
				10 nhiệm vụ trước hạn (71.43%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (28.57%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Vương Thị Ngọc	CV	9	2	1	1	0	0	7	5	2	0	88	B
				6 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phan Thị Diễm	CV	13	2	1	1	0	0	11	11	0	0	88	B
				12 nhiệm vụ trước hạn (92.31%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (7.69%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Phạm Minh Châu	CV	8	1	1	0	0	0	7	5	2	0	88	B
				6 nhiệm vụ trước hạn (75%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Lê Thị Hải Anh	CV	12	0	0	0	0	0	12	10	2	0	88	B
				10 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
III	Phòng Tổ chức, biên chế		83	8	5	3	0	0	75	63	12	0		B
				68 nhiệm vụ trước hạn (81.93%); 15 nhiệm vụ đúng hạn (18.07%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Bùi Xuân Hiếu	TP	2	1	0	1	0	0	1	1	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Đào Thị Thu Trang	PTP	10	1	1	0	0	0	9	6	3	0	88	B
				7 nhiệm vụ trước hạn (70%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (30%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Nguyễn Anh Tuấn	PTP	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Anh	CV	15	1	0	1	0	0	14	11	3	0	88	B
				11 nhiệm vụ trước hạn (73.33%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (26.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Nguyễn Thị Luyến	CV	18	2	2	0	0	0	16	14	2	0	88	B
				16 nhiệm vụ trước hạn (88.89%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (11.11%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Mai Quỳnh Nga	CV	10	1	1	0	0	0	9	8	1	0	88	B
				9 nhiệm vụ trước hạn (90%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (10%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Hoàng Thị Bích Ngọc	CV	17	2	1	1	0	0	15	13	2	0	88	B
				14 nhiệm vụ trước hạn (82.35%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (17.65%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Lê Thị Yến	CV	9	0	0	0	0	0	9	8	1	0	88	B
				8 nhiệm vụ trước hạn (88.89%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (11.11%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Đỗ Thị Phương	CV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
IV	Phòng Công chức, viên chức		175	9	5	4	0	0	166	143	23	0		A
				148 nhiệm vụ trước hạn (84.57%); 27 nhiệm vụ đúng hạn (15.43%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Vũ Trường Giang	TP	4	1	0	1	0	0	3	2	1	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (50%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
2	Phạm Thị Ngoan	PTP	8	2	1	1	0	0	6	6	0	0	88	B	
				7 nhiệm vụ trước hạn (87.5%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (12.5%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Phạm Văn Tùng	PTP	14	3	2	1	0	0	11	9	2	0	92 ²	A	
				11 nhiệm vụ trước hạn (78.57%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (21.43%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
4	Nguyễn Thị Hải Yến	CV	105	2	2	0	0	0	103	101	2	0	88	B	
				103 nhiệm vụ trước hạn (98.1%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (1.9%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
5	Trần Thị Kim Tuyến	CV	17	1	0	1	0	0	16	10	6	0	88	B	
				10 nhiệm vụ trước hạn (58.82%); 7 nhiệm vụ đúng hạn (41.18%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
6	Nguyễn Thị Dương	CV	27	1	1	0	0	0	26	14	12	0	88	B	
				15 nhiệm vụ trước hạn (55.56%); 12 nhiệm vụ đúng hạn (44.44%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

² Được thưởng 4 điểm do có ý tưởng đổi mới, sáng tạo áp dụng tại Sở

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại	
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh						
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành			
V	Phòng CCHC-VTLT		33	11	9	2	0	0	22	21	1	0		A	
				30 nhiệm vụ trước hạn (90.91%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (9.09%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
1	Hoàng Xuân Chính	TP	3	1	1	0	0	0	2	2	0	0	88	B	
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
2	Trần Anh Dũng	PTP	5	3	3	0	0	0	2	2	0	0	98 ³	A	
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
3	Đoàn Minh Sang	CV	7	3	3	0	0	0	4	4	0	0	98 ⁴	A	
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
4	Nguyễn Kim Tuyến	CV	9	3	1	2	0	0	6	6	0	0	88	B	
				7 nhiệm vụ trước hạn (77.78%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (22.22%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											
5	Trần Thị Hồng Anh	CV	9	1	1	0	0	0	8	7	1	0	88	B	
				8 nhiệm vụ trước hạn (88.89%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (11.11%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)											

³ Được thưởng 10 điểm do có 01 sáng kiến cấp tỉnh

⁴ Được thưởng 10 điểm do có 01 sáng kiến cấp tỉnh

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
VI	Thanh tra Sở		56	14	9	5	0	0	42	39	3	0		B
				48 nhiệm vụ trước hạn (85.71%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (14.29%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Lương Thị Phương Chi	CTT	11	5	5	0	0	0	6	6	0	0	88	B
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Vũ Quốc Khánh	PCTT	9	4	1	3	0	0	5	4	1	0	88	B
				5 nhiệm vụ trước hạn (55.56%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (44.44%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Phan Thu Trang	TTV	12	3	2	1	0	0	9	9	0	0	88	B
				11 nhiệm vụ trước hạn (91.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (8.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Bùi Trung Kiên	TTV	17	2	1	1	0	0	15	15	0	0	88	B
				16 nhiệm vụ trước hạn (94.12%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (5.88%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Hoàng Thị Thùy Dung	CV	7	0	0	0	0	0	7	5	2	0	88	B
				5 nhiệm vụ trước hạn (71.43%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (28.57%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
VII	Phòng Tín ngưỡng - Tôn giáo		57	6	5	1	0	0	51	44	7	0		B
				49 nhiệm vụ trước hạn (85.96%); 8 nhiệm vụ đúng hạn (14.04%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trần Thị Lý	TP	5	1	1	0	0	0	4	4	0	0	88	B
				5 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Mai Thị Hồng Huệ	PTP	12	1	1	0	0	0	11	11	0	0	88	B
				12 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Vũ Thị Tân	CV	10	1	1	0	0	0	9	8	1	0	88	B
				9 nhiệm vụ trước hạn (90%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (10%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Văn Bằng	CV	10	1	1	0	0	0	9	8	1	0	88	B
				9 nhiệm vụ trước hạn (90%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (10%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Phạm Thu Huyền	CV	20	2	1	1	0	0	18	13	5	0	88	B
				14 nhiệm vụ trước hạn (70%); 6 nhiệm vụ đúng hạn (30%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
VIII	Văn phòng		62	10	7	3	0	0	52	45	7	0		B
				52 nhiệm vụ trước hạn (83.87%); 10 nhiệm vụ đúng hạn (16.13%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Nguyễn Bá Hoàng	CV	17	2	1	1	0	0	15	12	3	0	88	B
				13 nhiệm vụ trước hạn (76.47%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (23.53%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Chu Bình Mích	CV	11	3	2	1	0	0	8	6	2	0	88	B
				8 nhiệm vụ trước hạn (72.73%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (27.27%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Phạm Thị Hà Mi	CV	21	3	3	0	0	0	18	18	0	0	88	B
				21 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Mai Hồng Quân	CV	5	2	1	1	0	0	3	1	2	0	86	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (40%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (60%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
5	Vũ Thị Sang	CS	4	0	0	0	0	0	4	4	0	0	88	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Lê Xuân Tình	NV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				Chuẩn bị các điều kiện đưa đón Lãnh đạo Sở đảm bảo an toàn đúng giờ. Tổng số: 38 cuộc, trong đó: 08 cuộc ngoài tỉnh, 12 cuộc huyện, thị xã, 18 cuộc nội thành										
7	Quách Hồng Thuận	NV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				Chuẩn bị các điều kiện đưa đón Lãnh đạo Sở đảm bảo an toàn đúng giờ. Tổng số: 17 cuộc, trong đó: 02 cuộc ngoài tỉnh . 05 cuộc huyện, thị xã, 10 cuộc nội thành										
8	Hoàng Thị Thanh Mai	NV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				Chuẩn bị các điều kiện phục vụ 6 cuộc họp; phòng làm việc Lãnh đạo Sở										
9	Lê Thị Thu Hà	NV	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	88	B
				Chuẩn bị các điều kiện phục vụ 21 cuộc họp; 03 bồi dưỡng và phục vụ phòng làm việc Lãnh đạo Sở										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
IX	Ban Thi đua - Khen thưởng		109	6	2	4	0	0	103	102	1	0		B
				104 nhiệm vụ trước hạn (95.41%); 5 nhiệm vụ đúng hạn (4.59%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Nguyễn Đình Tuệ	TB	3	1	0	1	0	0	2	2	0	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Đỗ Thị Yên	PTB	7	0	0	0	0	0	7	7	0	0	88	B
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Quách Thị Lan Phương	PTB	7	1	0	1	0	0	6	6	0	0	88	B
				6 nhiệm vụ trước hạn (85.71%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (14.29%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Thị Hồng Dung	CV	6	0	0	0	0	0	6	6	0	0	88	B
				6 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Vũ Xuân Hanh	CV	31	0	0	0	0	0	31	31	0	0	88	B
				31 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
6	Đặng Mạnh Tuân	CV	3	0	0	0	0	0	3	3	0	0	88	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Phạm Thị Huyền	CV	11	2	2	0	0	0	9	9	0	0	88	B
				11 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Nguyễn Thị Thu Trang	CV	5	1	0	1	0	0	4	4	0	0	88	B
				4 nhiệm vụ trước hạn (80%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (20%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
9	Trần Thị Lan Phương	CV	7	0	0	0	0	0	7	7	0	0	88	B
				7 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Đoàn Thu Trang	CV	15	0	0	0	0	0	15	14	1	0	88	B
				14 nhiệm vụ trước hạn (93.33%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (6.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Vũ Thị Hoi	CV	6	0	0	0	0	0	6	6	0	0	88	B
				6 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
12	Nguyễn Thị Hương	CV	6	1	0	1	0	0	5	5	0	0	88	B
				5 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Đỗ Ngọc Phú	NV	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
X	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		47	6	6	0	0	0	40	24	16	0		B
				30 nhiệm vụ trước hạn (63.83%); 17 nhiệm vụ đúng hạn (36.17%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
1	Trương Văn Toàn	GD TT	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0	88	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
2	Bùi Thị Thu Hà	PGD TT	2	0	0	0	0	0	2	1	1	0	86	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (50%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
3	Đinh Thị Ngọc Tân	PGD TT	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	88	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
	Phòng HC-TH		29	1	1	0	0	0	28	16	12	0		B
				17 nhiệm vụ trước hạn (58.62%); 12 nhiệm vụ đúng hạn (41.38%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
4	Nguyễn Viết Hòa	VC	10	1	1	0	0	0	9	9	0	0	88	B
				10 nhiệm vụ trước hạn (100%); 0 nhiệm vụ đúng hạn (0%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
5	Đinh Thị Thùy Giang	VC	4	0	0	0	0	0	4	1	3	0	80	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (25%); 3 nhiệm vụ đúng hạn (75%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
6	Nguyễn Trường Thịnh	VC	3	0	0	0	0	0	3	2	1	0	80	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (66.67%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (33.33%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
7	Đoàn Thị Trà Giang	VC	5	0	0	0	0	0	5	1	4	0	80	B
				1 nhiệm vụ trước hạn (20%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (80%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
8	Đỗ Văn Tiến	NV	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										

TT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí công tác	Kết quả thực hiện nhiệm vụ										Điểm tháng	Mức xếp loại
			Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch					Nhiệm vụ phát sinh					
				Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành	Lùi hạn	Số nhiệm vụ	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn, Không hoàn thành		
9	Nguyễn Thị Dinh	NV	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
10	Đoàn Văn Sáng	NV	4	0	0	0	0	0	4	3	1	0	80	B
				3 nhiệm vụ trước hạn (75%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (25%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
	Phòng Nghiệp vụ lưu trữ		11	0	0	0	0	0	11	7	4	0		B
				7 nhiệm vụ trước hạn (63.64%); 4 nhiệm vụ đúng hạn (36.36%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
11	Lương Lê Thành	VC	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	80	B
				0 nhiệm vụ trước hạn (0%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (100%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
12	Nguyễn Thị Hiếu	VC	6	0	0	0	0	0	6	5	1	0	88	B
				5 nhiệm vụ trước hạn (83.33%); 1 nhiệm vụ đúng hạn (16.67%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										
13	Nguyễn Thị Hằng	VC	4	0	0	0	0	0	4	2	2	0	84	B
				2 nhiệm vụ trước hạn (50%); 2 nhiệm vụ đúng hạn (50%); 0 nhiệm vụ quá hạn (0%)										